

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2019

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Đạt Thành

2. Ông Trần Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Minh L, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bắc Thạnh, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: tổ 9, ấp Tây Sơn, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trương Thanh G, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bắc Thạnh, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang.

(Đã được tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trịnh Thị Minh L trình bày:*

Chị và anh Trương Thanh G do tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 30/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung tên Trương Thị Ái N sinh ngày 05/9/2012 và Trương Thanh Tr sinh ngày 24/8/2014. Nhưng đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi về chuyện tiền bạc, làm ăn, anh Giang thường hay nhậu nhẹt. Mặc dù chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Giang vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng 5 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh G.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Ái N sinh ngày 05/9/2012 và Trương Thanh Tr sinh ngày 24/8/2014, hiện đang sống với anh Giang. Sau khi ly hôn, chị Lý đồng ý giao 02 con chung cho anh Giang tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Về phía bị đơn anh Trương Thanh G:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng anh Giang không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Giang.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Minh L. Về con chung: Giao 02 cháu Trương Thị Ái N sinh ngày 05/9/2012 và Trương Thanh Tr sinh ngày 24/8/2014 cho anh Trương Thanh G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị Trịnh Thị Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Trương Thanh G có địa chỉ tại ấp Bắc Thạnh, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trương Thanh G đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trương Thanh G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Minh L và anh Trương Thanh G chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 30/11/2011. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Minh L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lý và anh Giang chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Nhưng đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi về chuyện tiền bạc, làm ăn, anh Giang thường hay nhậu nhẹt. Mặc dù chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh Giang vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng 5 năm 2019 cho đến nay. Về phía anh Giang, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Giang, tạo điều kiện cho anh Giang hàn gắn tình cảm với chị Lý nhưng anh Giang không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị Lý, cho thấy anh Giang không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Lý để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lý và anh Giang đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Minh L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lý và anh Giang có 02 con chung tên Trương Thị Ái N sinh ngày 05/9/2012 và Trương Thanh Tr sinh ngày 24/8/2014, hiện đang sống với anh Giang. Chị Lý đồng ý giao 02 con chung cho anh Giang tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Do 02 cháu Nhi và Trọng đang sống với anh Giang và anh Giang cố tình né tránh nên Tòa án không thể lấy lời khai cháu Nhi theo quy định của pháp luật để xem xét nguyện vọng của cháu Nhi khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù không xem xét được nguyện vọng của cháu Nhi nhưng hiện tại 02

cháu Nhi và Trọng đang được anh Giang chăm sóc, nuôi dưỡng. Cho nên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của 02 cháu Nhi và Trọng; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu Nhi và Trọng cho anh Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh Giang phải tạo điều kiện cho chị Lý đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, chị Lý không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị Lý không tự nguyện cấp dưỡng và do anh Giang vắng mặt đồng thời cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận và xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Trịnh Thị Minh L yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị Minh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Minh L được ly hôn anh Trương Thanh G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 140/2011 ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao 02 con chung tên Trương Thị Ái N sinh ngày 05/9/2012 và Trương Thanh Tr sinh ngày 24/8/2014 (hiện đang sống với anh Giang) cho anh Trương Thanh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Trịnh Thị Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Anh Trương Thanh G phải tạo điều kiện cho chị Trịnh Thị Minh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận Chị Trịnh Thị Minh L và anh Trương Thanh G không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì Chị Trịnh Thị Minh L và anh Trương Thanh G vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Minh L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000383 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Chị Trịnh Thị Minh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Thanh G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm